TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Z** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **182**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 11 năm 2023
V/v: "*Ly hôn; Chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Thuận
Bà Võ Thị Bời
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thư – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân Thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn; Chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/10/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Trương Đặng Quốc T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn BV, xã C HT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn*: Bà Võ Thị T2, sinh năm 1988; ĐKNKTT: Số 3A Cồn Giữa, phường XH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người đại diện theo ủy quyền về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn của bị đơn*: Ông Đỗ Khánh Hsinh năm 1979; Địa chỉ: 51 Phan Phan Bội Châu, phường XH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1960 và bà Đặng Thị Hồng L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Bắc Vĩnh, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bà Lê Thị Minh N, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 3A CG, phường XH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

3. Bà Bùi Thúy D; Địa chỉ: Thôn Trà Vy Nam, xã Vũ Công, huyện KX, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Bà Trần Thị Hiểu – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nam Sơn – Chi nhánh Khánh Hòa, thuộc đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Ông Trần Mạnh – Luật sư Công ty Luật TNHH Đạt Lý – Chi nhánh Khánh Hòa, thuộc đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ông T1 trình bày:* Ông và bà Võ Thị T2 tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2016.

Sau thời gian chung sống giữa ông và bà T2 có nhiều bất đồng trong tính cách, lối sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung khiến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình, bạn bè khuyên can tìm cách tháo gỡ nhưng mâu thuẫn giữa ông và bà Tâm vẫn không thể hàn gắn được. Không khí gia đình luôn căng thẳng, vợ chồng không thể chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với nhau nên đã tự sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2021. Do đó, ông T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể duy trì cuộc sống hôn nhân với bà T2 được nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn bà T2.

Về con chung: Ông và bà T2 có 01 con chung là cháu Trương Thanh T3, sinh ngày 04/8/2016. Hiện tại cháu T3 đang sinh sống ổn định với bà T2 và theo nguyện vọng của cháu T3 nên ông tự nguyện giao con chung cho bà T2 trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Ông T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T2 có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là các trang thiết bị của cơ sở in T&H tại Quốc lộ 1, Bắc Vĩnh, Cam HT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa, ông không đồng ý vì tiệm in là của ông Trương Thanh T và bà Đặng Thị Hồng L, hiện tại cơ sở in đã giải thể do không đủ chi phí duy trì. Đối với yêu cầu chia khoản tiền mà ông và bà Tâm đã chuyển nhượng thửa đất tại số 284, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại Bãi Giếng 2, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa, ông cũng không đồng ý vì tài sản này đã được chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân, bà T2 đã nhận số tiền 200.000.000đồng và không có ý kiến hay tranh chấp gì, đến giờ vợ chồng đã dùng số tiền còn lại chi tiêu trong sinh hoạt gia đình, do đó việc bà T2 yêu cầu chia đôi số tiền đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên là không có căn cứ.

- *Tại bản tự khai,biên bản hòa giải bị đơn bà T2 trình bày:* Bà thừa nhận về thời gian kết hôn, về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng theo như lời trình bày của ông T1. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà đồng ý ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu 3 và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông T1 có tạo lập được cơ sở in và đã đầu tư trang thiết bị với số tiền 251.000.000 đồng, ngoài ra vợ chồng bà đã chuyển nhượng thửa đất số 284 tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại Bãi Giếng 2, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa với số tiền 600.000.000đồng. Nguồn tiền có được để mua thửa đất nêu trên là của bà Lê Thị Minh N (mẹ ruột bà T2) và bà T2 chỉ đứng tên hộ; Về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bà đã ủy quyền cho ông Đỗ Khánh Hđược toàn quyền quyết định, do đó các ý kiến của ông H cũng là ý kiến của bà nên đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

- *Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Đỗ Khánh H trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H rút yêu cầu chia tài sản chung là khoản chi phí xây dựng nhà tạm và các trang thiết bị để kinh doanh cơ sở in ấn T&H tại thôn Bắc Vĩnh, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa số tiền: 251.000.000đồng. Yêu cầu Hội đồng xét xử, chia tài sản chung vợ chồng là số tiền 600.000.000đồng do vợ chồng bà T2, ông T1 đã chuyển nhượng thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại Bãi Giếng 2, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa cho bà Bùi Thúy D vào năm 2021. Toàn bộ số tiền chuyển nhượng đã được chuyển vào tài khoản số 0061000704489 – chủ tài khoản Trương Đặng Quốc T1 – Ngân hàng TMCP ngoại thương. Bà T2 thừa nhận ông T1 đã chuyển lại cho bà số tiền 200.000.000đồng. Do đó, đề nghị ông T1 phải tiếp tục trả cho bà T2 số tiền 100.000.000đồng.

- *Tại đơn trình bày ngày 04/10/2022 ông Trương Thanh T và bà Đặng Thị Hồng L trình bày:* Toàn bộ chi phí xây dựng, đầu tư trang thiết bị cho cơ sở in ấn T&H tại thôn Bắc Vĩnh, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa là do ông T, bà L bỏ tiền đầu tư, chỉ để cho T1 đứng tên trên giấy đăng ký hộ kinh doanh và được hưởng 50% lợi nhuận kinh doanh. Tuy nhiên, công việc kinh doanh không đạt hiệu quả nên vào khoảng tháng 6/2022 ông bà đã ngừng kinh doanh, thông báo giải thể không hoạt động và đã thanh lý các tài sản. Nay bà T2 cho rằng là các trang thiết bị, chi phí xây dựng cho xưởng in là tài sản chung vợ chồng ông T1, bà T2 và yêu cầu Tòa án chia; Ông T, bà L không đồng ý. Do tuổi cao, sức khỏe không đảm bảo nên ông bà xin được vắng mặt tất cả các phiên hòa giải, xét xử theo quy định.

- *Tại đơn trình bày ngày 10/11/2022 bà Lê Thị Minh N trình bày:* Vào năm 2016, Bà đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 220m^2 tọa lạc tại thôn Bãi Giếng 2, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Bà có nhờ con gái là Võ Thị T2 đứng tên nhận chuyển nhượng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì tin tưởng con gái nên việc nhờ T2 đứng tên mua bán thửa đất bà không có tài liệu gì để chứng minh. Năm 2021 do tình hình dịch bệnh, kinh tế khó khăn nên bà đã yêu cầu bà T2 chuyển nhượng thửa đất nêu trên với số tiền khoảng 720.000.000đồng. Vì thời gian đó, ông T1 và bà T2 về mặt pháp lý là vợ chồng nên toàn bộ số tiền chuyển nhượng đất đều được chuyển vào tài khoản của ông T1 tại ngân hàng Vietcombank. Nay vợ chồng ông T1 và bà T2 ly hôn, bà có ý kiến yêu cầu Tòa án buộc ông T1 phải trả lại số tiền chuyển nhượng đất nêu trên cho bà T2 để bà T2 thanh toán lại cho bà.

- *Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T1 và bà T2 đã trầm trọng, ông bà đã tự sống ly thân từ năm 2021 không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1; Về con chung: ông T1 đồng ý và tự nguyện giao con chung là cháu Trương Thanh T3 cho bà T2 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản luận cứ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:* Xác định giá trị tài sản chung của vợ chồng ông T1 bà T2 là số tiền đã chuyển nhượng thửa đất tọa lạc tại thôn Bãi Giếng 2, xã CHT, huyện CL, tỉnh

Khánh Hòa là 600.000.000đồng; Đây là số tiền mà các bên đã thống nhất nên không cần phải chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông T1phải thanh toán ½ giá trị tài sản chung cho bà T2 theo quy định của pháp luật. Bà T1thừa nhận đã nhận số tiền 200.000.000đồng từ ông T2 chuyển qua tài khoản ngân hàng Vietcombank, do đó ông T1 còn phải thanh toán cho bà T2 số tiền 100.000.000đồng.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Z đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Bùi Thúy D đều vắng mặt nên trong hồ sơ vụ án không thể hiện lời trình bày của bà D cũng như Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

* *Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định*: Tòa án nhân dân thành phố Z thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Về con chung, bà T2 có nguyện vọng nuôi con chung và ông T1 đồng ý nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự. Tài sản chung: chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là số tiền chuyển nhượng thửa đất; Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung là số tiền xây dựng cơ sở hạ tầng xưởng in T&H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2. 1] *Quan hệ hôn nhân*: Ông Trương Đặng Quốc T1 và bà Võ Thị T2 tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2016 ngày 19/5/2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong tính cách, lối sống, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, thấu hiểu, chia sẻ cho nhau, thực tế ông T1 và bà T2 đã tự sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa ông T1 và bà T2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nếu tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia

đình, yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đặng Quốc T1 xin được ly hôn với bà Võ Thị T2 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: ông Trương Đặng Quốc T1 và bà Võ Thị T2 có 01 con chung là cháu Trương Thanh T3, sinh ngày 04/8/2016 và thống nhất bà T2 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T3 và ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sự thỏa thuận của ông T1, bà T2 về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu T3, phù hợp với nhu cầu thực tế, đảm bảo cuộc sống cho con chung, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận giao con chung là cháu Trương Thanh T3, sinh ngày 04/8/2016 cho bà Võ Thị T2 trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng. Ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi, kể từ tháng 12/2023.

[2.3]. *Về tài sản chung*:

- Ngày 22/9/2023 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút một phần yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là số tiền: 251.000.000đồng (chi phí đầu tư xây dựng và trang thiết bị của cơ sở in ấn T&H tại thôn Bắc Vĩnh, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa do ông Trương Đặng Quốc T1 đứng tên đại diện hộ kinh doanh cá thể theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3718006378, đăng ký lần đầu ngày 04/3/2021; Thông báo số 938/TB-TCKH ngày 06/9/2022 của Phòng tài chính kế hoạch – UBND huyện Cam Lâm về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh). Việc rút yêu cầu này là tự nguyện. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung nêu trên.

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là khoản tiền đã chuyển nhượng thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 220m^2 tọa lạc tại thôn Bãi Giếng 2, xã Cam Hải Tây, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD324655 đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 220m^2 tọa lạc tại thôn Bãi Giếng 2, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 22/7/2016 đứng tên bà Võ Thị T2 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được các tài liệu chứng cứ nào để chứng minh quyền sử dụng đất nêu trên do bà T2 được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng. Đồng thời tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và đã được ông T1, bà T2 chuyển nhượng cho bà Trần Thúy D2 vào năm 2021 với số tiền cụ thể là: Ngày 18/3/2021: Ông T1 nhận tiền đặt cọc: 50.000.000đồng; Ngày 01/4/2021: Ông T1 nhận 468.000.000đồng *(công văn số 296/KHH-DVKH ngày 21/3/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa về việc cung cấp thông tin, tài liệu sao kê tài khoản số 0061000704489 – chủ tài khoản Trương Đặng Quốc T1 từ ngày 01/2/2021 đến ngày 31/05/2021)*. Do đó, căn cứ Điều 33; khoản 2 Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tài sản chung của vợ chồng ông T1, bà T2 là số tiền 518.000.000đồng có

được từ việc chuyển nhượng thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 220m^2 tọa lạc tại thôn Bãi Giếng 2, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2021. Vì vậy, mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản nêu trên, cụ thể: Ông Trương Đặng Quốc T1 và bà Võ Thị T2 mỗi người được hưởng: 259.000.000đồng. Bà T2 thừa nhận ông T1 đã chia cho bà số tiền 200.000.000đồng; Nên ông T1 còn có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chung cho bà T2 còn lại là: 59.000.000đồng.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

[3]. *Về án phí*:

- Ông Trương Đặng Quốc T1 phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; (259.000.000đồng x 5%) = 12.950.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001216 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z. Như vậy ông T1 còn phải nộp 13.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. *(Mười ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)*.

- Bà Võ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (259.000.000đồng x 5%) = 12.950.000đồng nhưng được trừ vào 17.180.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002305 ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z. Như vậy, hoàn lại cho bà Võ Thị T2 số tiền 4.230.000đồng án phí dân sự đã nộp. *(Bốn triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 33, 34, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 và các điều 227, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đặng Quốc T1 được ly hôn với bà Võ Thị T2.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Trương Thanh T3, sinh ngày 04/8/2016 cho bà Võ Thị T2 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông Trương Đặng Quốc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi, kể từ tháng 12/2023.

Sau khi ly hôn, ông T1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T2, ông T1 có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung:

- Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung là chi phí xây dựng và trang thiết bị của cơ sở in ấn T&H tại thôn Bắc Vĩnh, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa số tiền là: 251.000.000đồng.

- Ông Trương Đặng Quốc T1 còn phải thanh toán giá trị tài sản chung của thửa đất số 284, tờ bản đồ số 28, diện tích 220m^2 tọa lạc tại thôn Bãi Giếng 2, xã CHT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa cho bà Võ Thị T2 là **59.000.000đồng** (Năm mươi chín triệu đồng). *(Phần tài sản chung bà T2 được chia là 259.000.000đồng, ông T1 đã thanh toán 200.000.000đồng, số tiền ông T1 chưa thanh toán cho bà T2 là 59.000.000đồng).*

4. Nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét

5. Về án phí:

- Ông Trương Đặng Quốc T1 phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 12.950.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001216 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z. Như vậy ông T1 còn phải nộp 13.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. *(Mười ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).*

- Bà Võ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.950.000đồng nhưng được trừ vào 17.180.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002305 ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z. Như vậy, hoàn lại cho bà Võ Thị T2 số tiền 4.230.000đồng án phí dân sự đã nộp. *(Bốn triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).*

<u>Quy định</u>: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

6. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm *(Đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn)* trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm *(Đối với quan hệ hôn nhân)* trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***<u>Nơi nhận</u>*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Z;
- Chi cục THADS TP. Z;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Cam Hải Tây, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa (số 19/2016, ngày 19/5/2016);
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ;

Lê Thị Hạng